TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HSST
Ngày 06-05-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Hương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Kim Hoa.

2. Bà Bế Thị Hương.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lục Đức Long – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*:** Bà Nông Thị Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điểm cầu thành phần - Phòng hỏi cung số 1, Phân trại tạm giam khu vực thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 29/2025/HSST ngày 12 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025, Thông báo hoãn phiên tòa số 240/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 26/3/1976 tại huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Tổ 02, phường S, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc G; (Đã chết); và bà: Vũ Thị N (sinh năm: 1939); vợ: Nguyễn Thị L; (Sinh năm: 1978); Con: có 02 con; con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án.

- Ngày 16/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý;

- Ngày 22/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/11/2015, Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thành phố Cao Bằng (trước là Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng) từ ngày 15/12/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam theo Quyết định tạm giam số 27/2025/HSST-QĐTG ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng;

Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Phạm Thị T; sinh năm: 1981;

Nơi thường trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh N;

Nơi ở hiện tại: Tổ 5, phường S, thành phố C, Tỉnh C;

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 20 phút ngày 15/12/2024 tại Tổ 08, phường S, thành phố C, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn T *(sinh năm 1976; Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh N)* có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 (một) gói giấy bạc màu vàng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột, có khối lượng 0,12 gam *(không phẩy mười hai gam)* do T tự giác giao nộp từ túi ngoài bên trái chiếc áo đang mặc trên người. Tạm giữ:

+ 01 (một) điện thoại màu trắng mặt sau có chữ SAMSUNG thu giữ trong túi quần đằng trước bên trái của T đang mặc;

+ 01 (một) chiếc xe mô tô màu xám bên ngoài có chữ WAVE mang BKS: 11S1 - 015.68.

Ngày 16/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 1734 yêu cầu giám định chất bột màu trắng thu giữ của T. Tại bản kết luận giám định số 08/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: "*Mẫu*

chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (Heroin).

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15/12/2024, Phạm Văn T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11S1-015.68 từ chỗ trọ tại tổ 02, phường Sông Bằng đến khu vực Bến nước cứu hỏa thuộc phường Sông Bằng để tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp một người đàn ông không quen biết, dáng giống người nghiện nên hỏi mua ma túy với số tiền 100.000đ *(một trăm nghìn đồng).* Người đàn ông này cầm tiền rồi lấy từ trong người đưa ra cho T 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong chứa ma túy. T nhận gói ma túy rồi cất vào trong túi áo khoác bên trái chiếc áo đang mặc. Sau đó, T đi tìm chỗ để sử dụng ma túy, khi đi đến khu vực Tổ 08, phường S, thành phố C thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ, Phạm Văn T khai được mua với một người đàn ông không quen biết, việc trao đổi mua bán ma túy không ai biết và chứng kiến. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSTP ngày 12/03/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố: Bị cáo Phạm Văn T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phần đầu xét hỏi, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng bản thân không mua ma túy mà có người đàn ông tên Thiên, nhà ở chân dốc nhà thờ (không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ) đưa cho bị cáo. Khi bị cáo chưa kịp xem bên trong là gì thì đã bị Công an bắt và thu giữ tang vật. Sau đó, bị cáo lại khai ma túy là do Công an bỏ vào túi áo của bị cáo. Bị cáo còn cho rằng bản thân đã rất lâu không sử dụng ma túy; khi bị bắt, bị cáo không được xét nghiệm ma túy. Bị cáo bị ép ký vào các giấy tờ, văn bản có trong hồ sơ. Cuối phần xét hỏi, bị cáo thừa nhận Biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2024 tại Công an Cao Bằng là đúng; Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 là đúng, không oan. Đối với chiếc điện thoại di động Sam Sung màu trắng và chiếc xe mô tô WAVE màu xám, biển kiểm soát 11S1 - 015.68 bị tạm giữ trong vụ án đều là của em gái bị cáo - Phạm Thị Tám. Khi cho bị cáo mượn, Tám không biết việc bị cáo sử dụng xe để làm gì. Bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại và chiếc để thực hiện hành vi phạm tội. Mong Hội đồng xét xử trả lại những tài sản trên cho bà Tám.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Tám trình bày: Bà là em gái của bị cáo T. Chiếc điện thoại di động Sam Sung màu trắng và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11S1 - 015.68 là của bà cho bị cáo mượn. Khi cho

mượn, bà không biết T sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy. Mong Hội đồng xét xử trả lại những tài sản trên cho bà và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: T bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; rút một phần đề nghị đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 01 phong bì niêm phong chứa ma túy. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động màu trắng mặt sau có chữ SAMSUNG. Trả lại cho bà Phạm Thị Tám 01 chiếc xe mô tô màu xám bên ngoài có chữ WAVE biển kiểm soát 11S1 - 015.68.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt, quan điểm xử lý và không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Tám nhất trí, không có ý kiến gì tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo tỏ thái độ ăn năn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong suốt thời gian kể từ khi bị cáo bị bắt đến trước ngày xét xử vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bị ép ký vào các văn bản có trong hồ sơ nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên đã thực hiện đều đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phần đầu xét hỏi, bị cáo có sự thay đổi lời khai, quanh co, chối tội nhưng không đưa ra được lý do giải thích hợp lý cho sự thay đổi lời khai của mình. Ngoài lời khai, bị cáo không đưa ra được căn cứ gì khác để chứng minh. Các lời khai của bị cáo mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cuối phần xét hỏi, bị cáo thừa nhận Biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2024 tại Công an Cao Bằng là đúng. Bị cáo nhận tội và cho rằng Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp, thống nhất với lời khai của chính bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; các biên bản cân xác định khối lượng; kết luận giám định; biên bản hỏi cung; vật chứng; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bên cạnh đó, hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 15/12/2024 và Biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2024 đều có người chứng kiến tham gia. Tại các biên bản làm việc, biên bản hỏi cung bị cáo T đều được giải thích quyền và nghĩa vụ của mình, biên bản đã được đọc cho người khai nghe; có cam đoan lời khai của bản thân là đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật; các chữ ký trong biên bản đều là của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo cũng khẳng định từ khi bị bắt đến phiên tòa hôm nay bị cáo không bị bức cung, nhục hình. Khi được giao Kết luận điều tra, Cáo trạng bị cáo đều không có ý kiến gì. Tại phiên tòa sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, bị cáo nhất trí và không có ý kiến tự bào chữa hay tranh luận.

Như vậy, các lời khai của bị cáo T trong hồ sơ có đủ giá trị pháp lý và là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15/12/2024, Phạm Văn T có hành vi mua 01 (một) gói Heroine với giá 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* tại khu vực Bến nước cứu hỏa thuộc phường Sông Bằng. Sau đó, T đi tìm chỗ để sử dụng ma túy, khi đi đến khu vực Tổ 08, phường S, thành phố C thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói Heroine có khối lượng 0,12 gam *(không phẩy mười hai gam)* của T mua với một người đàn ông không quen biết nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Mặc dù khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép là 0,12 gam *(không phẩy mười hai gam)* nhưng do ngày 22/9/2021, Phạm Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày

03/5/2023. Tính đến ngày 15/12/2024, bị cáo T chưa được xoá án tích nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "*tái phạm nguy hiểm*" - là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại nhiều mặt của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với lỗi cố ý.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hội đồng xét xử nhận định trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma tuý đang ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo đã góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma tuý ở địa phương.

[3.2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện ma túy lâu năm, có nhân thân rất xấu (02 tiền án). Mặc dù đã nhiều lần bị đưa ra xét xử và phải chấp hành hình phạt tù về các loại tội phạm liên quan đến chất ma túy nhưng bị cáo chưa thực sự có thái độ ăn năn hối cải. Năm 2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được trở về sinh sống với gia đình tại địa phương nhưng khi chưa được xoá án tích, bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới.

Bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Ngọc Giao đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Về hình phạt chính:

Hội đồng xét xử căn cứ hành vi phạm tội, nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo hiểu rất rõ ma túy là chất bị nhà nước cấm sử dụng và tác hại của ma túy đối với bản thân, cũng như xã hội nhưng vẫn coi thường, bất chấp quy định của pháp luật tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Vì vậy, cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời răn đe, cảnh cáo những đối tượng khác đã và đang có ý định phạm tội.

[4.2] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự còn quy định:

"*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng…".*

Xét thấy bị cáo Phạm Văn T là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, số lượng ma túy tàng trữ không lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy hoàn lại sau giám định vì là vật bị cấm tàng trữ, lưu hành.

- Đối với chiếc điện thoại Samsung màu trắng (thu giữ khi bắt bị cáo) không có liên quan đến hành vi phạm tội. Bà Phạm Thị Tám và bị cáo đều cho rằng chiếc điện thoại là của bà Tám cho bị cáo mượn nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại chiếc điện thoại trên cho bị cáo.

- 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11S1-015.68 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Tám.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Tại phiên tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng rút đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, quan điểm xử lý vật chứng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

T bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 05 năm 06 tháng tù thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/12/2024.

[2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi: "*Số 80/KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ PHẠM VĂN T, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy*", (Kèm theo Kết luận giám định số 08/KL – KTHS, ngày 20/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cao Bằng);

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tám (*sinh năm: 1981; nơi thường trú: Thôn An Phương (mới), xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Tổ 5, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*): 01 (một) chiếc xe mô tô màu xám bên ngoài có chữ WAVE mang BKS: 11S1 - 015.68. Số khung: RLHJC5229CY038291, số máy: JC52E5226383. Xe cũ đã qua sử dụng. Xe có số khung số máy trùng khớp với phiếu trả lời xác minh xe ngày 31/12/2024 của Công an thành phố Cao Bằng cung cấp (xe có 01 chìa khóa kèm theo).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 (một) điện thoại di động màu trắng, mặt sau có chữ SAMSUNG, số IMEI1 352064326290160/01 (Theo quyết định chuyển vật chứng) điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy;

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng số 66 ngày 12 tháng 03 năm 2025.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày T án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát KV1 - Cao Bằng;
- Phòng THA DS KV1 - Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương Thảo